

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-02-2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Đỗ Thị Thúy Diễm**.

+ Ông **Đoàn Văn Vui**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Thanh T** - Sinh năm: 1989, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** - Sinh năm: 2000; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2022, bản tự khai ngày 22 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn là anh Lê Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào

ngày 08 tháng 5 năm 2019 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Anh và chị T chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai người con chung là: Lê Hoàng Hồng N - Sinh ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Lê Hoàng Gia H - Sinh ngày 15 tháng 9 năm 2021, cả hai người con hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu chị T nuôi hai người con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày là không có.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 02 năm 2023, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị đồng ý nuôi hai người con chung giữa chị với anh T là: Lê Hoàng Hồng N - Sinh ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Lê Hoàng Gia H - Sinh ngày 15 tháng 9 năm 2021 (cả hai người con hiện đang sống chung với chị T). Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000VNĐ/tháng/một người con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày là không có.

Tại phiên tòa:

Anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

(2) *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh T là: Lê Hoàng Hồng N - Sinh ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Lê Hoàng Gia H - Sinh ngày 15 tháng 9 năm 2021 (cả hai người con hiện đang sống chung với chị T), anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000VNĐ/tháng/một người con.

(3) *Về tài sản chung*: Không có nên không xem xét.

(4) *Về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với chị T có địa chỉ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh T, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Anh T, chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2019, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của anh T, chị T, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa anh T, chị T có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không có sự quan T, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Anh T cho rằng hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị T. Chị T cũng đồng ý ly hôn với anh T nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi hai người con chung giữa chị với anh T là: Lê Hoàng Hồng N - Sinh ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Lê Hoàng Gia H - Sinh ngày 15 tháng 9 năm 2021 (cả hai người con hiện đang sống chung với chị T), cả hai người con hiện đang sống chung với chị T, anh T cũng đồng ý để chị T được nuôi con nên giao cho chị T được quyền tiếp tục nuôi hai người con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000VNĐ/tháng/một người con. Yêu cầu này của chị T là phù hợp với quy định tại các điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000VNĐ/tháng/một người con.

[6] Về tài sản chung, về nợ chung: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

2/ Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Lê Thanh T là: Lê Hoàng Hồng N - Sinh ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Lê Hoàng Gia H - Sinh ngày 15 tháng 9 năm 2021 (cả hai người con hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi các con đủ mười tám tuổi.

Anh Lê Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000VNĐ/tháng/một người con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 22/02/2023) cho đến khi các con đủ mười tám tuổi.

Anh Lê Thanh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con chung, anh T, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh T, chị T có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh T đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000553 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; anh T còn phải nộp 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên

